

Số: /BC-SGDĐT

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 3 năm 2026

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả công tác cải cách hành chính quý I năm 2026**

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể Cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 17/12/2025 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch CCHC tỉnh Bắc Ninh năm 2026; Kế hoạch số 04/KH-SGDĐT ngày 12/01/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về CCHC năm 2026 ngành GDĐT, Sở GDĐT báo cáo kết quả công tác CCHC quý I năm 2026 với các nội dung sau:

### **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC**

#### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành chung**

Sở GDĐT luôn quan tâm đến công tác CCHC, xác định đây là một trong những nội dung quan trọng góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học 2025 - 2026 và hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị được Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh giao. Sở GDĐT đã xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện các Kế hoạch chỉ đạo công tác CCHC: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2025-2030; Kế hoạch CCHC năm 2026<sup>1</sup>; Kế hoạch kiểm soát TTHC<sup>2</sup>; Kế hoạch tuyên truyền CCHC<sup>3</sup>; Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin; Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật; Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng; Kế hoạch luân chuyển cán bộ hàng năm.

Ngoài ra, Sở GDĐT đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan, của ngành hỗ trợ cho việc thực hiện có hiệu quả công tác CCHC góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

#### **2. Công tác thông tin, tuyên truyền, kiểm tra CCHC**

Công tác kiểm tra CCHC được thực hiện thường xuyên và kết hợp vào các cuộc kiểm tra chuyên ngành các đơn vị trực thuộc theo kế hoạch năm học của ngành.

Thực hiện Kế hoạch số 18/KH-SGDĐT ngày 10/02/2026 về thông tin, tuyên truyền công tác CCHC ngành GDĐT năm 2026, bằng nhiều hình thức tuyên truyền như: ban hành văn bản chỉ đạo, triển khai qua các hội nghị, cuộc họp giao ban định kỳ, lồng ghép trong các cuộc họp chuyên môn, các phương tiện truyền thông, Cổng thông tin điện tử Sở GDĐT, trên website của các cơ quan, đơn vị... trong đó tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt kịp thời, đầy đủ những

<sup>1</sup> Kế hoạch số 04/KH-SGDĐT ngày 12/01/2026 của Sở GDĐT về năm 2026 ngành GDĐT.

<sup>2</sup> Kế hoạch số 28/KH-SGDĐT ngày 27/02/2026 của Sở GDĐT về kiểm soát TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và Công dịch vụ công quốc gia năm 2026 ngành GDĐT.

<sup>3</sup> Kế hoạch số 18/KH-SGDĐT ngày 10/02/2026 của Sở GDĐT về thông tin, tuyên truyền CCHC ngành GDĐT năm 2026.

nội dung cơ bản trong thực hiện CCHC đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động để mỗi cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong toàn ngành nhận thức đúng về mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ của công tác CCHC. Trên cơ sở đó, xác định nghĩa vụ, trách nhiệm của từng phòng, đơn vị và cá nhân trong việc triển khai, thực hiện công tác CCHC của ngành GDĐT theo chức năng, nhiệm vụ và chức trách được giao.

Tiếp tục tuyên truyền các văn bản đã ban hành về cải cách TTHC nhằm tuyên truyền rộng rãi đến cán bộ, giáo viên, học sinh và nhân dân trong toàn tỉnh hiểu và thực hiện theo quy định về TTHC.

Tiếp tục tổ chức các hoạt động tuyên truyền sâu rộng để cán bộ, giáo viên, cha mẹ học sinh và học sinh trong toàn ngành có nhận thức đúng, sâu sắc về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện GDĐT.

Thường xuyên cập nhật và đăng tải các văn bản về CCHC và các hoạt động chính trị của địa phương lên Cổng thông tin điện tử của Sở GDĐT (chuyên mục Tuyên truyền CCHC) nhằm tổ chức triển khai các nhiệm vụ thúc đẩy chuyển đổi số mạnh mẽ, phát triển mạng lưới thông tin cơ sở hiện đại trong năm 2026 đáp ứng yêu cầu cung cấp, phổ biến kịp thời thông tin thiết yếu đến người dân; phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của Sở.

Chỉ đạo tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền, kỷ niệm; triển khai tuyên truyền kỷ niệm 80 năm Ngày Tổng tuyển cử đầu tiên và bầu cử đại biểu quốc hội, HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

### **3. Công tác đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC**

#### ***3.1. Sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC:***

Sở GDĐT đã tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành nhiều Nghị quyết chuyên đề về GDĐT được xã hội đánh giá cao. Sở GDĐT đã đăng ký các đề án, báo cáo trong chương trình làm việc năm 2026 của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh<sup>4</sup>; triển khai đăng ký sáng kiến, giải pháp mới trong công tác CCHC năm 2026<sup>5</sup>.

#### ***3.2. Gắn kết quả CCHC với công tác thi đua khen thưởng***

CCHC được xác định là một trong những tiêu chí quan trọng trong công tác thi đua khen thưởng; lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC để đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng đối với tập thể và cá nhân. Công tác thi đua, khen thưởng được gắn với thực hiện nhiệm vụ CCHC nhằm triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, mục tiêu đề ra. Sở GDĐT thường xuyên phát động các phong trào thi đua với chủ

<sup>4</sup> 1/Công văn số 186/SGDĐT-VP ngày 22/01/2026 của Sở GDĐT về lập danh mục Nghị quyết quy định chi tiết và nội dung được giao quy định;

2/ Công văn số 317/SGDĐT-VP ngày 06/02/2026 của Sở GDĐT về rà soát nội dung giao chính quyền địa phương quy định chi tiết;

3/ Tờ trình số 16/TTr-SGDĐT ngày 02/3/2026 của Sở GDĐT về bổ sung nội dung xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2026.

<sup>5</sup> Công văn số 419/SGDĐT-VP ngày 25/02/2026 của Sở GDĐT về đăng ký sáng kiến, giải pháp mới trong công tác CCHC năm 2026.

đề theo năm học nhằm khích lệ, động viên cán bộ, giáo viên, người lao động trong toàn ngành có sự sáng tạo, đổi mới, có sáng kiến hoặc giải pháp mới trong thực hiện nhiệm vụ cũng như trong công tác CCHC với nội dung thiết thực, ý nghĩa, phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị.

Để triển khai có hiệu quả các quan điểm, chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, Bộ GDĐT, Tỉnh ủy - HĐND - UBND tỉnh về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT; quyết tâm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ được giao; khích lệ, động viên cán bộ, giáo viên, người lao động trong toàn ngành có sự sáng tạo, đổi mới, có sáng kiến hoặc giải pháp mới trong thực hiện nhiệm vụ cũng như trong công tác CCHC với nội dung thiết thực, ý nghĩa, phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, năm học 2025 - 2026, Sở GDĐT tổ chức phát động phong trào thi đua với chủ đề “*Đoàn kết - Kỷ cương - Sáng tạo - Đột phá - Phát triển*” gắn với các phong trào thi đua “*Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập*”; “*Dạy tốt, Học tốt, Quản lý tốt*” do Bộ GDĐT phát động; đẩy mạnh việc “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” theo Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”.

Sở GDĐT tiếp tục phối hợp với Phòng Thi đua khen thưởng Sở Nội vụ, UBND các xã, phường triển khai xét duyệt kết quả thi đua, khen thưởng năm học 2025-2026 đối với các tập thể, cá nhân thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh theo Luật Thi đua khen thưởng năm 2022 và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về thi đua, khen thưởng các cấp; tiếp tục chỉ đạo nâng cao nhận thức về vai trò của công tác thi đua, khen thưởng, coi thi đua là động lực để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Chủ động phát hiện, biểu dương và nhân rộng các tấm gương người tốt, việc tốt trong toàn ngành.

### **Kết quả:**

Tổ chức tuyên dương khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong các phong trào thi đua của ngành GDĐT tại các sự kiện, hội nghị đánh giá sơ kết học kỳ I, triển khai nhiệm vụ học kỳ II năm học 2025 - 2026.

Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm học 2025-2026, toàn tỉnh có 237 học sinh dự thi ở 12 môn: Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học, Ngữ văn, lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh, Tiếng Trung, Tiếng Nhật, Tiếng Pháp đoạt 174 giải, trong đó có 10 giải Nhất, 58 giải Nhì, 52 giải Ba và 54 giải Khuyến khích. Với kết quả này, tỉnh Bắc Ninh xếp thứ 6 toàn quốc về số lượng giải.

Với thành tích trên, tỉnh Bắc Ninh có 15 học sinh được dự thi (vòng 2) chọn đội tuyển quốc gia tham dự kỳ thi Olympic khu vực và Quốc tế; 03 học sinh được vào đội tuyển quốc gia (đội tuyển có 22 học sinh) tham dự kỳ thi Olympic Toán học Châu Á-Thái Bình Dương.

### ***3.3. Tổ chức hội nghị đánh giá, rút kinh nghiệm trong công tác CCHC***

Công tác đánh giá, rút kinh nghiệm CCHC được thực hiện lồng ghép vào Hội nghị Tổng kết năm học và Hội nghị cán bộ, công chức và người lao động hằng năm của cơ quan Sở.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC**

### **1. Cải cách thể chế**

#### ***1.1. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (VB QPPL) thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở GDĐT***

Công tác tham mưu xây dựng, hoàn thiện hệ thống VB QPPL đã được quan tâm triển khai thực hiện đúng thẩm quyền, có chất lượng và đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Chất lượng VB QPPL ngày càng nâng cao, đáp ứng các nội dung, yêu cầu theo quy định.

- Xác định công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL là nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, Sở GDĐT tiếp tục quán triệt nguyên tắc gắn việc xây dựng, hoàn thiện thể chế với nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật trong toàn ngành.

Trong Quý I năm 2026, Sở GDĐT **không tham mưu trình HĐND, UBND tỉnh ban hành văn bản QPPL mới** thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Tuy nhiên, Sở đã chủ động:

+ Rà soát chương trình xây dựng văn bản QPPL năm 2026 của tỉnh để chuẩn bị nội dung tham mưu theo kế hoạch.<sup>6</sup>

+ Tham gia góp ý các dự thảo văn bản QPPL do các sở, ngành chủ trì soạn thảo có nội dung liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và thực tiễn quản lý của địa phương.

+ Theo dõi, đôn đốc việc triển khai thi hành các văn bản QPPL đã được ban hành trong thời gian trước; kịp thời tổng hợp khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện để nghiên cứu, đề xuất phương án xử lý.

- Công tác thẩm định, kiểm tra, rà soát văn bản thuộc phạm vi quản lý tiếp tục được thực hiện nghiêm túc; các văn bản còn hiệu lực được công khai, niêm yết và đăng tải đầy đủ trên Cổng thông tin điện tử của Sở theo đúng quy định.

- Việc không phát sinh văn bản QPPL trình ban hành trong Quý I/2026 là phù hợp với chương trình xây dựng văn bản của tỉnh và yêu cầu thực tiễn; đồng thời thể hiện sự tập trung của ngành vào công tác tổ chức thi hành, đánh giá hiệu quả thực hiện các chính sách đã ban hành, bảo đảm tính ổn định, đồng bộ của hệ thống pháp

<sup>6</sup> 1) Công văn số 317/SGDĐT-VP ngày 06/2/2026 của Sở GDĐT về việc rà soát nội dung giao chính quyền địa phương quy định chi tiết.

2) Công văn số 186/SGDĐT-VP ngày 22/01/2026 của Sở GDĐT về việc lập danh mục Nghị quyết quy định chi tiết và nội dung được giao quy định

3) Tờ trình số 16/TTr-SGDĐT ngày 02/3/2026 của Sở GDĐT về việc bổ sung nội dung xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2026

luật trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh.

### **1.2. Công tác kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật**

- Trong Quý I năm 2026, Sở GDĐT tiếp tục tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

+ Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của ngành đã ban hành<sup>7</sup>; tập trung rà soát các văn bản thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, nhất là các nội dung liên quan đến phân cấp quản lý, quản trị nhà trường, dạy thêm học thêm, quản lý tài chính và bảo đảm an toàn trường học.

+ Tổ chức tự kiểm tra các văn bản do Sở tham mưu ban hành còn hiệu lực; đồng thời chỉ đạo các đơn vị trực thuộc rà soát hệ thống văn bản quản lý nội bộ để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định mới và tình hình thực tiễn.

+ Chủ động phối hợp với Sở Tư pháp trong việc tổng hợp, cập nhật danh mục văn bản thuộc lĩnh vực giáo dục phục vụ công tác theo dõi thi hành pháp luật và chuẩn bị cho nhiệm vụ hệ thống hóa văn bản theo kế hoạch năm 2026.

Kết quả rà soát trong Quý I/2026 cho thấy các văn bản hiện hành thuộc phạm vi quản lý của ngành cơ bản còn hiệu lực, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành; không phát hiện nội dung trái thẩm quyền, chồng chéo hoặc hết hiệu lực thi hành (có báo cáo riêng)<sup>8</sup>.

- Việc theo dõi, tổng hợp kết quả xử lý sau rà soát được thực hiện thường xuyên; công tác lưu trữ, cập nhật cơ sở dữ liệu văn bản trên môi trường điện tử được duy trì nền nếp, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước bằng pháp luật trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh.

### **1.3. Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật**

- Sở GDĐT đã triển khai thực hiện nghiêm túc công tác theo dõi thi hành pháp luật theo quy định. Sở ban hành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực giáo dục ngay từ đầu năm<sup>9</sup>; tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

- Kết quả cho thấy, các đơn vị cơ bản thực hiện tốt quy định của pháp luật, không phát sinh khiếu nại, tố cáo phức tạp hoặc vi phạm nghiêm trọng.

Công tác tổng hợp, báo cáo, kiến nghị xử lý các khó khăn, bất cập trong thi

<sup>7</sup> 1) Kế hoạch số 03/KH-SGDĐT ngày 08/01/2026 của Sở GDĐT về thực hiện công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật và công tác pháp chế của ngành Giáo dục và Đào tạo

2) Công văn số 198/SGDĐT-VP ngày 23/01/2026 của Sở GDĐT về việc rà soát và lập danh mục văn bản tiếp tục có hiệu lực, cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới.

3) Công văn số 317/SGDĐT-VP ngày 06/02/2026 của Sở GDĐT về việc rà soát nội dung giao chính quyền địa phương quy định chi tiết.

<sup>8</sup> Báo cáo số 05/BC-SGDĐT ngày 13/01/2026 của Sở GDĐT về báo cáo kết quả tự kiểm tra các văn bản do Sở tham mưu ban hành thuộc lĩnh vực tham mưu quản lý nhà nước năm 2025.

<sup>9</sup> Kế hoạch số 13/KH-SGDĐT ngày 30/01/2026 của Sở GDĐT về theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong ngành Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh năm 2026

hành pháp luật được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

#### **1.4. Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật**

- Sở GDĐT đã ban hành các văn bản chỉ đạo về công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật<sup>10</sup>. Duy trì cập nhật, đăng tải kịp thời văn bản pháp luật, chính sách mới trên Cổng thông tin điện tử của Sở và Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong ngành được thực hiện thường xuyên, gắn với nhiệm vụ chuyên môn, trọng tâm là các văn bản mới ban hành, các quy định liên quan đến *quản lý giáo dục, quyền và nghĩa vụ của nhà giáo, người học, phòng chống bạo lực học đường, an toàn trường học, an ninh mạng, phòng chống tệ nạn xã hội...* Qua đó, nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên ngày càng được nâng cao, góp phần xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, kỷ cương.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung Nghị quyết số 66-NQ/TW và các quy định pháp luật liên quan Triển khai phổ biến quy định pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031,...

- Hình thức tuyên truyền đa dạng: qua hội nghị, sinh hoạt chuyên môn, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, qua hệ thống truyền thanh, website của Sở và các trường học. Đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật được kiện toàn, nâng cao năng lực; nội dung phổ biến bảo đảm thiết thực, phù hợp từng nhóm đối tượng.

- Về Kiểm tra, nắm bắt tình hình các cơ sở giáo dục thực hiện qui định về quy chế chuyên môn và triển khai chương trình GDPT 2018; thực hiện nhiệm vụ giáo dục chính trị, công tác học sinh sinh viên, giáo dục thể chất, hoạt động thể thao; công tác y tế trường học,... Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đã thực hiện nghiêm túc sự chỉ đạo và hướng dẫn các cấp có thẩm quyền./.

- Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện thường xuyên.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính**

### **- Kết quả rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa TTHC:**

Căn cứ Kế hoạch<sup>11</sup> của UBND tỉnh kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) và thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông (MCLT) tại Bộ phận Một

<sup>10</sup> 1/ Kế hoạch số 09/KH-SGDĐT ngày 20/01/2026 của Sở GDĐT về thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2026

2/ Công văn số 152/SGDĐT-GDCHSSV ngày 19/01/2026 của Sở GDĐT về việc chấn chỉnh công tác phòng ngừa, ngăn chặn bạo lực học đường trong các cơ sở giáo dục

3/ Công văn số 14/SGDĐT-GDCHSSV ngày 06/01/2026 của Sở GDĐT về việc tăng cường công tác đảm bảo an toàn trong các cơ sở giáo dục

4/ Kế hoạch số 05/KH-SGDĐT ngày 14/01/2026 của Sở GDĐT về thực hiện công tác xử lý vi phạm hành chính ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2026

5/ Công văn số 314/SGDĐT-VP ngày 05/02/2026 của Sở GDĐT về việc giới thiệu văn bản pháp luật (Số chuyên đề về bầu cử)

6/ Kế hoạch số 14/KH-SGDĐT ngày 02/02/2026 của Sở GDĐT về thực hiện Công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội và triển khai công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2026.

<sup>11</sup> Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 29/01/2026

cửa và Công Dịch vụ công quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2026 kiểm soát, rà soát TTHC và triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2026, Sở GDĐT cụ thể hóa các nhiệm vụ theo chức năng của Sở tại Kế hoạch số 28/KH-SGDĐT ngày 27/02/2026, Kế hoạch bao gồm 08 nhóm nhiệm vụ về kiểm soát, rà soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, MCLT với 28 nhiệm vụ cụ thể giao cho các đầu mối thuộc Sở chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện. Đối với rà soát, đánh giá, đơn giản hóa TTHC, Sở GDĐT lựa chọn rà soát các TTHC thuộc 04 nhóm lĩnh vực liên quan TTHC được quy định tại Nghị định 63/2010/NĐ-CP và các TTHC nội bộ thuộc 05 nhóm lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ của Sở; thời gian rà soát từ tháng 03 đến tháng 05 đối với các TTHC nội bộ, đến tháng 7/2026 đối với các TTHC được quy định tại Nghị định 63/2010/NĐ-CP.

**- Tổng hợp số lượng TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở GDĐT:**

Tổng số TTHC thuộc phạm vi, chức năng của Sở GDĐT 168 TTHC. Trong đó:

+ Thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GDĐT: 116 TTHC;

+ Thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã: 52 TTHC.

**- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông:**

+ Sở GDĐT bố trí 01 công chức bảo đảm yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh. Điều kiện làm việc, các chế độ, chính sách được thực hiện đúng theo quy định hiện hành của tỉnh.

+ Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC

Trong kỳ báo cáo, Sở GDĐT đã tiếp nhận và giải quyết 327 hồ sơ (trong đó 317 hồ sơ đã giải quyết, 10 hồ sơ đang giải quyết trong hạn), tỷ lệ hồ sơ thực hiện số hóa đầu vào đạt 100%, tỷ lệ hồ sơ TTHC thực hiện số hóa hồ sơ đạt 97,25% (2,75% là số hồ sơ đang giải quyết, chưa có kết quả).

+ Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC tại cơ quan: Sở GDĐT thực hiện nghiêm túc việc tiếp nhận và giải quyết TTHC theo đúng quy định.

Sở GDĐT thực hiện nghiêm túc việc tiếp nhận và giải quyết TTHC theo đúng quy định. Trong Quý I năm 2026 (đến 04/3/2026), tổng số TTHC đã nhận giải quyết là 327 hồ sơ; số hồ sơ tiếp nhận trực tuyến 324 hồ sơ, qua dịch vụ BCCI 03 hồ sơ. Số hồ sơ đã giải quyết gồm 327 hồ sơ, trả trước thời hạn là 316 hồ sơ, 01 hồ sơ ghi nhận quá hạn (mặc dù kết quả trả cho công dân đúng hạn, nhưng do trong bước thực hiện bị lỗi kỹ thuật hệ thống khắc phục chậm dẫn tới không kết thúc được hồ sơ trong hạn) và 10 hồ sơ đang được giải quyết trong hạn.

Quý I năm 2026, Sở GDĐT đã tiếp nhận: 327 hồ sơ, trong đó:

Số lượng hồ sơ tiếp nhận trên cổng <https://motcua.moet.gov.vn>: 327 hồ sơ.

Số lượng hồ sơ tiếp nhận tại địa chỉ [//thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn](http://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn): 0 hồ sơ.

\* Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 317 (trước hạn: 316 hồ sơ).

\* Số lượng hồ sơ đang giải quyết, chưa đến hạn: 10 hồ sơ.

- \* Số lượng hồ sơ quá hạn: 0 hồ sơ.
- \* Yêu cầu bổ sung: 0 hồ sơ
- \* Công dân yêu cầu được rút hồ sơ: 0 hồ sơ.

*(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)*

+ Kết quả thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Sở GDĐT thực hiện đầy đủ các nội dung theo hướng dẫn của Văn phòng UBND tỉnh, đã đề xuất 29/162 TTHC áp dụng phi địa giới hành chính; đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh mục TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh 02 đợt, đối với ngành Giáo dục hiện số TTHC được phê duyệt gồm 152 thủ tục, trong đó cấp tỉnh là 105 thủ tục, cấp xã là 47 thủ tục. Tuy nhiên, thực tế từ 01/01/2026, việc cung cấp dịch vụ công ngoài hệ thống riêng của tỉnh (để cung cấp dịch vụ công đối với các TTHC đặc thù của tỉnh) thì toàn bộ các dịch vụ công gắn với các TTHC do Bộ GDĐT công bố được triển khai trên hệ thống ngành dọc <https://motcua.moet.gov.vn>, do đó, việc triển khai nội dung này đang bị động, chưa có hướng dẫn cụ thể của Bộ GDĐT. 100% các TTHC của ngành GDĐT về thực tế đều có thể triển khai áp dụng phi địa giới trên địa bàn tỉnh, còn phạm vi quốc gia phụ thuộc vào sự đồng bộ các cơ sở dữ liệu do các Bộ, ngành Trung ương quản lý.

+ Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC

Trong kỳ báo cáo Sở GDĐT đã phối hợp với Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh tiếp nhận và giải quyết 01 phản ánh, kiến nghị của công dân/tổ chức; đã chỉ đạo phòng chuyên môn liên quan tham mưu, trả lời (bằng văn bản) và cập nhật, công khai theo quy định.

+ Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC: Trong kỳ báo cáo, mức độ hài lòng của Sở đạt 18/18 điểm.

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định, quy chế, quyết định của UBND tỉnh về giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của Sở GDĐT, không để xảy ra khiếu nại, tố cáo; chất lượng cung ứng dịch vụ công lĩnh vực giáo dục ngày càng được nâng lên. Tổ chức, công dân hài lòng đối với sự phục vụ của công chức tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công khi tiếp nhận TTHC.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy nhà nước**

- Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập ngành GDĐT.

Sở GDĐT phối hợp với các sở, ngành tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định về cơ cấu tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ cơ quan Sở GDĐT<sup>12</sup>.

- Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập ngành GDĐT.

Từ ngày 01/7/2025 đến nay, cơ cấu tổ chức Sở GDĐT gồm có **09** đơn vị hành chính (gọi tắt đơn vị thuộc Sở) và **80** đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (gọi tắt là đơn vị trực thuộc sở).

Các đơn vị thuộc Sở gồm có: Văn phòng và 08 phòng chức năng (Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Giáo dục mầm non, Phòng Giáo dục Tiểu học, Phòng Giáo dục Trung học, Phòng Giáo dục Nghề nghiệp và Giáo dục Thường xuyên, Phòng Quản lý chất lượng giáo dục, Phòng Giáo dục chính trị và Học sinh sinh viên), so với trước khi sáp nhập giảm 07 phòng; có 09 cấp trưởng, 27 cấp phó.

Các đơn vị trực thuộc Sở gồm có: 80 đơn vị công lập trực thuộc (55 trường THPT công lập, 03 trường Phổ thông Dân tộc nội trú có cấp THPT, 02 trường THPT Chuyên, 14 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; 02 trung tâm Giáo dục thường xuyên; 01 trung tâm Giáo dục thường xuyên - Ngoại ngữ, Tin học tỉnh; 01 Trung tâm Giáo dục chuyên biệt và Bảo trợ xã hội tỉnh; 02 trường trung cấp); có 80 cấp trưởng, 166 cấp phó, số lượng cấp trưởng, cấp phó đảm bảo theo đúng quy định.

- Đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức tại cơ quan, ngành GDĐT.

+ Biên chế công chức: Biên chế công chức được giao năm 2025: 97 chỉ tiêu; Hợp đồng lao động nhóm hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111 là 11 người (hiện có 11 người).

#### + **Biên chế viên chức**

(1) Tổng biên chế giao năm học 2025-2026: 5.766 chỉ tiêu, trong đó:

Khối các trường THPT, trường Phổ thông DTNT: **5.069** người (194 cán bộ quản lý, 4.612 giáo viên, 263 nhân viên hành chính);

Khối Trung tâm GDTX, GDNN-GDTX: **518** người (biên chế viên chức hưởng lương ngân sách nhà nước 484; biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp 34 người), cụ thể: 51 cán bộ quản lý, 392 giáo viên, 75 nhân viên hành chính;

Trung tâm Giáo dục chuyên biệt và bảo trợ xã hội tỉnh Bắc Ninh: **127** người;

Trường Trung cấp Văn hóa, Nghệ thuật và Du lịch tỉnh Bắc Ninh: **30** người;

Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật và Thủ công mỹ nghệ truyền thống Thuận Thành: **22** người.

<sup>12</sup> Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở GDĐT tỉnh Bắc Ninh; Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh về cơ cấu tổ chức bộ máy Sở GDĐT.

(2) Tổng biên chế thực hiện (tính đến tháng 30/10/2025): 5.574 chỉ tiêu.

Khỏi các trường THPT, trường Phổ thông DTNT: **4.936** người (191 cán bộ quản lý, 4.554 giáo viên, 191 nhân viên hành chính);

Khỏi Trung tâm GDTX, GDNN-GDTX: **486** người (50 cán bộ quản lý, 379 giáo viên, 57 nhân viên hành chính);

Trung tâm Giáo dục chuyên biệt và bảo trợ xã hội tỉnh Bắc Ninh: **110** người;

Trường Trung cấp Văn hóa, Nghệ thuật và Du lịch tỉnh Bắc Ninh: **24** người;

Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật và Thủ công mỹ nghệ truyền thống Thuận Thành: **18** người.

### **+ Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111**

Hợp đồng lao động nhóm công việc chuyên môn, nghiệp vụ

Cấp THPT: Hợp đồng làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ hưởng lương từ ngân sách nhà nước 153 người (70 giáo viên, 83 nhân viên hành chính)<sup>13</sup>.

Khỏi GDTX: 261 giáo viên và 20 nhân viên hành chính

Hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ

- Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ngành GDĐT.

Trong bối cảnh chuyển đổi, sáp nhập, thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, Sở GDĐT tỉnh Bắc Ninh đã chủ động rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực GDĐT; đồng thời phối hợp với các sở, ngành tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện về phân cấp, phân quyền, trong quản lý giáo dục. Tuy nhiên, do hệ thống văn bản pháp luật hiện hành chưa đồng bộ với thực tiễn điều kiện tổ chức mô hình hai cấp, nên trong quá trình triển khai vẫn còn nhiều chông chéo về thẩm quyền, dẫn đến khó khăn cho việc phân cấp, phân quyền ở cả cấp tỉnh và cấp xã, đặc biệt trong lĩnh vực tổ chức cán bộ. Do vậy, Sở GDĐT thường xuyên hướng dẫn, phối hợp trao đổi để thực hiện thông suốt mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp ngành GDĐT.

- Đánh giá nội dung: đẩy mạnh phân cấp quản lý, giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục công lập; Tham mưu rà soát, sắp xếp hệ thống mạng lưới trường, lớp đảm bảo tinh gọn, hiệu quả; nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp.

Việc đẩy mạnh phân cấp quản lý, giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục công lập cần được triển khai đồng bộ, song song với việc rà soát, sắp xếp tinh gọn hệ thống trường, lớp và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý. Các giải pháp trọng tâm bao gồm việc tinh gọn bộ máy, giảm đầu mối quản lý, phát triển đội ngũ giáo viên đủ số lượng, chất lượng và có chế độ, chính sách đãi ngộ phù hợp.

<sup>13</sup> Theo Nghị quyết số 572/NQ-HĐND ngày 27/6/2025 của HĐND tỉnh và hiện nay mới chỉ thực hiện ở các đơn vị thuộc tỉnh Bắc Ninh cũ

Phân cấp mạnh mẽ thẩm quyền quản lý hành chính và chuyên môn cho các cơ sở giáo dục, đồng thời tăng cường ủy quyền để tạo sự linh hoạt, hiệu quả và thuận tiện cho địa phương. Rà soát, đánh giá, điều chỉnh và sáp nhập các trường học (mầm non, THCS, THPT, liên cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên) để tinh gọn đầu mối, đảm bảo hiệu quả hoạt động, tránh chồng chéo, nâng cao chất lượng dạy và học. Xóa bỏ cấp trung gian trong quản lý để đảm bảo quản trị tinh gọn, hiệu quả và thống nhất. Chú trọng tuyển dụng và đào tạo để đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đặc biệt cho các môn học mới theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Nâng chuẩn trình độ đào tạo, chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý. Tăng cường bồi dưỡng thường xuyên, nâng cao năng lực quản lý, giảng dạy, đáp ứng yêu cầu chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên. Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đãi ngộ, hỗ trợ phù hợp để thu hút và giữ chân đội ngũ, đảm bảo chất lượng đào tạo.

#### **4. Cải cách chế độ công vụ**

- Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức.

Sở GDĐT xây dựng Đề án vị trí việc làm các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt (Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở GDĐT tỉnh Bắc Ninh; Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt đề án vị trí việc làm và cơ cấu việc chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở GDĐT tỉnh Bắc Ninh).

Thực hiện Công văn số 2214/SNV-CCVC ngày 29/9/2025 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND cấp xã. Sở GDĐT đang triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở GDĐT tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2025 - 2030.

- Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức (*thi tuyển, xét tuyển*).

- Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức: Trong quý I, 2026, không có trường hợp bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại.

- Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị ngành GDĐT.

Từ 01/7/2025 đến thời điểm báo cáo, Sở GDĐT không tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở.

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị ngành GDĐT. Nêu rõ trường hợp công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên (gửi Quyết định kỷ luật về Sở Nội vụ).

Lãnh đạo Sở GDĐT thường xuyên quan tâm, đẩy mạnh công tác CCHC, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao ý thức, trách nhiệm của đội ngũ CBCCV, đặc biệt là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ sở giáo dục; chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm các quy định về chuẩn mực đạo đức nhà giáo và đảm bảo kỷ cương, nền nếp các cơ sở giáo dục.

Xây dựng và tổ chức kiểm tra công vụ theo kế hoạch các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở GDĐT; kế hoạch kiểm tra công tác Tổ chức cán bộ các đơn vị trực thuộc. Chỉ đạo thực hiện tốt Quy chế văn hóa công sở theo Quyết định số 129/2007/QĐTTg của Thủ tướng Chính phủ; Quy tắc ứng xử của CBCCV theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007 của Bộ Nội vụ. Xây dựng nếp sống văn hóa ở cơ quan, gia đình CBCCV. Cán bộ, đảng viên trong cơ quan luôn giữ gìn bí mật của Đảng và Nhà nước, làm việc theo nội quy, quy chế, không đùn đẩy trách nhiệm. Cơ quan, gia đình CBCCV không có người tham gia và mắc các tệ nạn xã hội.

Sở GDĐT đã ban hành Quy chế<sup>14</sup> văn hóa công sở cơ quan Sở GDĐT theo Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND tỉnh ban hành Quy chế văn hóa công sở trên địa bàn tỉnh đối với cơ quan Sở GDĐT.

- Kết quả thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

Ban hành Kế hoạch số 17/KH-SGDĐT ngày 09/02/2026 về bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành Giáo dục năm 2026; Kế hoạch số 26/KH-SGDĐT ngày 25/02/2026 về bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý, giáo viên cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên năm học 2025-2026.

- Tình hình ban hành và kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại các cơ quan nhà nước ở cơ quan, đơn vị ngành GDĐT.

Thực hiện Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 23/6/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang về xét tuyển giáo viên, giảng viên năm 2025. Kết quả có 32 người trúng tuyển, trong đó có 03 người trúng tuyển theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

## **5. Cải cách tài chính công**

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại cơ quan, đơn vị ngành GDĐT.

+ Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo Kế hoạch được giao:

Sở Giáo dục và Đào tạo không thực hiện thu ngân sách nhà nước theo Kế hoạch được giao

+ Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: Trong quý 1 năm 2026 Sở GDĐT không có dự án thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư công.

<sup>14</sup> Quyết định số 984/QĐ-SGDĐT ngày 11/12/2025 của Sở GDĐT tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy chế văn hóa công sở cơ quan Sở GDĐT tỉnh Bắc Ninh.

+ Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách: Trong quý 1 năm 2026 Sở GDĐT nhận được Kế hoạch Đoàn Kiểm toán Nhà nước Khu vực I về làm việc tại đơn vị.

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công:

+ Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công: 81/81 đơn vị đã ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định (gồm cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo và 80 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở GDĐT).

+ Thực hiện công khai tài sản công: 81/81 đơn vị (gồm cơ quan Sở GDĐT và 80 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở GDĐT) đều thực hiện lập báo cáo công khai theo đúng biểu mẫu quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và Thông tư số 144/2017/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 151/2017/NĐ-CP; Nghị định 186/2025/NĐ-CP;

+ Lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất, đất được giao quản lý, sử dụng trình cấp thẩm quyền phê duyệt hoàn thành 100%, được UBND tỉnh: Ban hành theo Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 và Quyết định số 1950/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang (cũ); Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh (cũ).

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (nêu rõ số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên, kèm theo Quyết định số 1080/QĐ-SGDĐT ngày 26/12/2025), cụ thể:

+ Số đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 4 (tự bảo đảm chi thường xuyên) dưới 10%: 22/80 đơn vị.

+ Số đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3 (tự bảo đảm chi thường xuyên) từ 10% đến dưới 30%: 58/80 đơn vị.

+ Thực hiện quy định về sử dụng kinh phí chi thường xuyên từ nguồn NSNN: Việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí chi thường xuyên đảm bảo đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền và chấp hành chế độ công khai ngân sách hiện hành. Việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ đã tạo điều kiện cho các cơ quan chủ động trong việc sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính một cách hợp lý nhất để hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, từng bước nâng cao đời sống của cán bộ, công chức, tạo động lực để cán bộ, công chức thực thi công vụ có chất lượng và hiệu quả cao, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Kết quả đơn vị Sở GDĐT thực hiện đúng quy định. Thực hiện điều hành chi ngân sách nhà nước theo dự toán được giao, kiểm soát chặt chẽ các khoản chi từ ngân sách Nhà nước đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả theo Luật Ngân sách Nhà nước. Sau khi được giao quyền tự chủ, các đơn vị sự nghiệp công lập đã chủ động sử dụng tài sản, nguồn nhân lực để phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ, tạo điều kiện tăng thu cho đơn vị để chi tăng thu nhập cho người lao động, tăng cường tích lũy phát

triển cơ sở vật chất đơn vị sự nghiệp công lập. Kết quả 80/80 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, thực hiện đúng quy định về phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ. Kết quả ngày 26/12/2025 Sở GDĐT ban hành Quyết định số 1080/QĐ-SGDĐT về việc giao quyền tự chủ tài chính và phân loại đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở GDĐT giai đoạn 2026-2030. Thực hiện cơ chế tài chính theo quy định, 80/80 đơn vị trực thuộc đã chi phúc lợi cho cán bộ, viên chức, người lao động trong đơn vị, đạt 100%. Cơ quan Sở GDĐT đã thực hiện báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 về sửa đổi Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

## **6. Xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số**

- Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số ở cơ quan, đơn vị ngành GDĐT

Sở GDĐT tiếp tục rà soát, kiện toàn các văn bản, quy chế, quy định liên quan phục vụ triển khai chính quyền số tại cơ quan Sở cũng như toàn ngành GDĐT, trước mắt, tập trung hoàn thành triển khai các nhiệm vụ đối với năm học 2025-2026.

Đã thực hiện nghiêm túc, tổ chức triển khai, kịp thời ban hành các văn bản đề lãnh đạo, chỉ đạo trong thực hiện đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hoạt động của ngành GDĐT, cụ thể<sup>15</sup>.

- Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật.

Hệ thống mạng: 100% các đơn vị, trường học đã kết nối mạng internet cấp quang tốc độ cao phục vụ công tác quản lý, điều hành giáo dục và công tác dạy học, nhiều trường đã kết nối mạng internet cấp quang tới các phòng học; cơ quan Sở GDĐT được lắp đặt hệ thống mạng LAN đồng bộ và có đường truyền số liệu chuyên dùng phục vụ cho công tác quản lý, chuyển đổi số của ngành.

Thiết bị: Trang bị máy tính cho cán bộ quản lý, công chức, nhân viên văn phòng, giáo viên ở các tổ bộ môn trong các cơ sở giáo dục, trường học đảm bảo điều kiện làm việc, phục vụ tốt cho công tác chỉ đạo và quản lý chuyên môn. Các trường tiểu học, THCS, THPT được trang bị phòng máy tính để dạy môn Tin học và ứng dụng CNTT, chuyển đổi số; các cơ sở giáo dục đều có hệ thống họp trực tuyến để họp và tập huấn chuyên môn.

- Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng

<sup>15</sup> Kế hoạch số 07/KH-SGDĐT ngày 14/1/2026 về Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 ngành Giáo dục tỉnh Bắc Ninh năm 2026; Kế hoạch số 52/KH-SGDĐT ngày 01/12/2025 về phát triển hạ tầng số ngành GDĐT Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030.

#### + Về quản lý, điều hành

Đã có cơ sở dữ liệu ngành, có dữ liệu tập hợp về học sinh, giáo viên, trường học, cơ sở vật chất.

Tuyển sinh trực tuyến toàn tỉnh: 100% tuyển sinh đầu cấp (Mầm non, lớp 1, lớp 6, lớp 10) đã triển khai trực tuyến. Giảm đáng kể thủ tục giấy tờ, phụ huynh đăng ký nhanh gọn, minh bạch.

Phần mềm quản lý giáo dục tập trung toàn ngành: Hầu hết các trường đã sử dụng phần mềm quản lý điểm, hồ sơ giáo viên, cơ sở vật chất

#### + Về dạy - học và học liệu số

Ứng dụng LMS và học bạ số, sổ sách điện tử: một số trường THCS, THPT đã thí điểm sử dụng hệ thống quản lý học tập, học bạ số; năm học 2024-2025 triển khai chính thức học bạ số ở cấp tiểu học.

Thư viện số, kho học liệu e-Learning: Bắc Ninh đã xây dựng hàng nghìn bài giảng số, video bài dạy, tài liệu tham khảo, chia sẻ cho giáo viên và học sinh toàn tỉnh.

Giáo viên, học sinh quen với công nghệ: sau giai đoạn dịch Covid-19, việc dạy học trực tuyến, kết hợp online – offline (blended learning) được duy trì và nâng cấp.

#### + Về dịch vụ công, cải cách TTHC

Số hóa TTHC: nhiều TTHC đã được tích hợp lên Cổng DVC của tỉnh, phụ huynh – giáo viên có thể nộp hồ sơ online (ví dụ: cấp bản sao văn bằng, xác nhận kết quả học tập).

Kết nối với Đề án 06: một số dữ liệu (học sinh, giáo viên) đã bước đầu kết nối, đối soát với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

#### + Về đào tạo, bồi dưỡng năng lực số

Tập huấn, hội nghị chuyên đề: Sở đã tổ chức nhiều hội nghị, tập huấn về AI, năng lực số cho CBQL, giáo viên, học sinh, sinh viên toàn ngành.

Triển khai khung năng lực số (Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT): bước đầu áp dụng để đánh giá kỹ năng số của giáo viên, cán bộ quản lý.

#### + Về truyền thông và nhận thức

Phong trào “Trường học số – Thầy cô số – Học sinh số”: đã được phát động, bước đầu tạo sự lan tỏa.

Đưa tin thường xuyên trên Cổng thông tin Sở GDĐT từ đó nâng cao nhận thức trong toàn xã hội.

#### - Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu.

Đã triển khai và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) toàn ngành GDĐT kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu từ Trung ương đến địa phương, cơ sở giáo dục và đồng bộ với các CSDL tỉnh, quốc gia, CSDL chuyên ngành khác góp phần hình thành CSDL mở quốc gia; đẩy mạnh các dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân.

Thúc đẩy phát triển học liệu số phục vụ dạy-học, kiểm tra, đánh giá; nghiên cứu khoa học; hình thành kho học liệu số, học liệu mở dùng chung, đáp ứng nhu cầu tự học, học tập suốt đời, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền. Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy và học trên cơ sở áp dụng công nghệ số, khuyến khích và hỗ trợ áp dụng các mô hình GDĐT mới dựa trên các nền tảng số.

- Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ.

Trong thời gian qua, Sở GDĐT đã tập trung xây dựng và đưa vào vận hành nhiều hệ thống, ứng dụng số phục vụ công tác quản lý, điều hành nội bộ, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy. Các hệ thống tiêu biểu gồm: Hệ thống thông tin quản lý giáo dục, Hệ thống thư điện tử ngành, Hệ thống họp trực tuyến, Hệ thống quản lý tuyển sinh đầu cấp trực tuyến, các phần mềm chuyên ngành phục vụ quản lý, dạy và học thuộc lĩnh vực phụ trách.

Các hệ thống được triển khai đồng bộ, kết nối liên thông với nền tảng dùng chung của ngành, bảo đảm trao đổi dữ liệu điện tử trong hoạt động chỉ đạo, điều hành. Tỷ lệ văn bản trao đổi dưới dạng điện tử đạt mức cao; việc ký số, xử lý hồ sơ trên môi trường mạng được thực hiện thường xuyên, góp phần giảm thời gian xử lý công việc, tiết kiệm chi phí hành chính và nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản lý nhà nước.

- Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Tích cực triển khai các ứng dụng và dịch vụ số nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Các dịch vụ công trực tuyến được cung cấp trên Cổng dịch vụ công của tỉnh, của ngành bảo đảm công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

Việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trực tuyến được đẩy mạnh, từng bước giảm việc nộp hồ sơ trực tiếp. Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành từng bước được xây dựng và kết nối với các nền tảng số của tỉnh và quốc gia, góp phần rút ngắn thời gian xử lý thủ tục, nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với cơ quan nhà nước.

- Kết quả xây dựng, phát triển đô thị thông minh.

Thực hiện định hướng phát triển đô thị thông minh của tỉnh, ngành GDĐT đã từng bước triển khai các nền tảng và ứng dụng phục vụ công tác quản lý đô thị và cung cấp dịch vụ tiện ích cho người dân. Một số hệ thống giám sát, điều hành điều hành giáo dục thông minh đã được triển khai thí điểm như hệ thống điểm danh thông minh, hệ thống điều hành giáo dục thông minh (IOC) kết nối, tích hợp dữ liệu từ nhiều lĩnh vực.

Các nền tảng này góp phần hỗ trợ công tác quản lý, điều hành của ngành và chính quyền các cấp theo thời gian thực, nâng cao khả năng phân tích, dự báo và ra quyết định, đồng thời tạo kênh tương tác giữa chính quyền với người dân trong quá trình xây dựng đô thị văn minh, hiện đại.

- Cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp; số dịch vụ công trực tuyến một phần, toàn trình có phát sinh hồ sơ, tỷ lệ; số hồ sơ

được giải quyết trực tuyến/tổng số hồ sơ tiếp nhận (đối với các TTHC cung cấp dịch vụ công có phát sinh hồ sơ), tỷ lệ; hiện trạng tích hợp lên Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh, quốc gia; ...).

Tổng số TTHC cung cấp DVC phục vụ người dân, doanh nghiệp: 168 (05 thủ tục đặc thù do tỉnh quy định); trong đó, số DVC toàn trình là 25, một phần 91.

(+) Số dịch vụ công trực tuyến một phần, toàn trình có phát sinh hồ sơ, tỷ lệ: 08 dịch vụ có phát sinh hồ sơ trong kỳ báo cáo, đạt tỷ lệ 6,9%.

(+) Số hồ sơ được giải quyết trực tuyến/tổng số hồ sơ tiếp nhận (đối với các TTHC cung cấp dịch vụ công có phát sinh hồ sơ), tỷ lệ: 327/327 hồ sơ được giải quyết trực tuyến, đạt tỷ lệ 100%.

(+) Hiện trạng tích hợp lên Cổng DVC cấp tỉnh, quốc gia: 168 TTHC được cung cấp trên Hệ thống DCV quốc gia, đạt tỷ lệ 100%.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Ưu điểm**

Công tác CCHC đạt được kết quả khá toàn diện trong lĩnh vực giáo dục, trước hết là minh bạch hóa các mối quan hệ trong công tác của nội bộ từng cơ quan, đơn vị cũng như của cán bộ, giáo viên với nhân dân và học sinh; làm rõ hơn trách nhiệm, nghĩa vụ của từng người và từng bộ phận; chất lượng và tiến độ của từng nhiệm vụ công tác cũng có tiến bộ nhất định:

- Cải cách TTHC đã tạo điều kiện thuận lợi trong giải quyết công việc của nhân dân, doanh nghiệp. Tính công khai, minh bạch, dân chủ trong hoạt động quản lý nhà nước từng bước được nâng cao.

- Tổ chức bộ máy đã được sắp xếp lại theo hướng tinh giản, gọn nhẹ theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh; chức năng, nhiệm vụ được quy định đầy đủ, rõ ràng hơn. Cơ sở vật chất không ngừng được tăng cường và bổ sung; kỷ luật, kỷ cương hành chính được siết chặt. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng cao góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

- Mối quan hệ giữa ngành GDĐT với nhân dân, tổ chức đã được cải thiện nhiều; hoạt động theo hướng phục vụ của ngành dần hình thành và ngày càng rõ nét hơn. Phương châm phục vụ nhân dân, tổ chức của ngành GDĐT đã được thiết lập và đề cao hơn. Đổi mới phong cách làm việc của cán bộ, công chức, viên chức, tạo ấn tượng tốt đối với người dân và tổ chức khi đến làm việc tại cơ quan Sở và các đơn vị, nhằm nâng cao chất lượng hoạt động công vụ.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, tin học hóa trong dạy và học; hiện đại hóa quy trình thực hiện các TTHC, đảm bảo kết quả giải quyết TTHC chính xác, nhanh, đáp ứng được yêu cầu ngày một cao của xã hội và tiêu chí cải cách TTHC, nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC.

- Việc thực hiện CCHC trở thành tiêu chí đánh giá thi đua đã giúp cho các cơ quan, đơn vị ngày càng nghiêm túc hơn trong công tác quản lý giáo dục và thực hiện công tác CCHC.

**2. Tồn tại hạn chế:** Không

**3. Đề xuất, kiến nghị:**

Đề tạo điều kiện thuận lợi cho người dân thực hiện TTHC được thuận lợi, giảm chi phí trong việc đi lại, tra cứu thông tin... theo tinh thần Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 về cải cách TTHC với nhiệm vụ đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền trong giải quyết TTHC theo hướng cấp nào sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cho cấp đó giải quyết. Đề nghị UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo về ủy quyền để Sở GDĐT có cơ sở ủy quyền cho các cơ sở giáo dục thực hiện một số TTHC.

#### **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIẠN TIẾP THEO**

Nhằm có những bước tiến mới, đột phá trong công tác CCHC, xây dựng nền hành chính trong sạch, kiến tạo, phục vụ nhân dân, doanh nghiệp và cộng đồng xã hội, góp phần thúc đẩy công tác CCHC trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Trong thời gian tới, Sở GDĐT tiếp tục chỉ đạo quyết liệt, mạnh mẽ, linh hoạt, sáng tạo, tập trung vào một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

**1.** Tiếp tục thực hiện Kế hoạch chỉ đạo công tác CCHC năm 2026 của Sở GDĐT; triển khai, thực hiện các văn bản chỉ đạo công tác CCHC của Trung ương, của tỉnh.

**2.** Tiếp tục phối hợp với các sở, ngành tham mưu với Tỉnh ủy, HĐND, UBND ban hành các VBQPPL thực hiện các chủ trương phát triển giáo dục phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; cải tiến quy trình, nâng cao chất lượng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm sự cần thiết, tính hợp lý, hợp pháp và khả thi của văn bản quy phạm pháp luật; tăng cường kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để kịp thời tham mưu sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành.

**3.** Rà soát, hoàn thiện và công bố kịp thời các TTHC khi có sự thay đổi; công khai, minh bạch các TTHC, quy định hành chính. Thực hiện nghiêm túc công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính. Thường xuyên kiểm tra, rà soát các quy định về TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GDĐT để kịp thời phát hiện, kiến nghị UBND tỉnh cắt giảm, đơn giản hóa TTHC rườm rà, phức tạp không cần thiết. Phối hợp chặt chẽ với Trung tâm hành chính công tỉnh trong thực hiện TTHC.

**4.** Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong chỉ đạo, điều hành và thực hiện nhiệm vụ được giao; giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân; tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân thực hiện giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích; dịch vụ công trực tuyến.

**5.** Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp quản lý, giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục công lập theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế và năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tham mưu rà soát, sắp xếp hệ thống mạng lưới trường, lớp đảm bảo tinh gọn, hiệu quả; tiếp tục phối hợp với Sở Nội vụ đề nghị cấp có thẩm quyền giao đủ biên chế cho ngành GDĐT theo

định mức quy định của Bộ GDĐT, đồng thời thực hiện tinh giản biên chế theo quy định. Tiếp tục duy trì đo lường mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với dịch vụ giáo dục công trên địa bàn tỉnh.

**6.** Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp đảm bảo cơ bản có đủ số lượng theo chỉ tiêu biên chế được giao; triển khai thực hiện Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/ 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quy hoạch, đánh giá cán bộ, công chức; thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cơ quan, đơn vị theo quy định.

**7.** Tăng cường công tác kiểm tra, đặc biệt là kiểm tra đột xuất việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong thực thi nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành Giáo dục; tổ chức kiểm tra công tác CCHC, công tác kiểm tra công vụ theo Kế hoạch đề ra.

**8.** Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao hiệu quả về công tác CCHC; ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành, xử lý công việc giữa các cơ quan hành chính nhà nước; tăng cường sử dụng chữ ký số, sử dụng thư điện tử công vụ trong quá trình trao đổi, giải quyết công việc; tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số gắn với đổi mới công tác quản lý, đổi mới phương pháp dạy và học, đẩy mạnh đa dạng các hình thức dạy, học; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giao dịch trực tuyến với tổ chức, cá nhân (dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần). Thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về công tác CCHC lên Cổng thông tin điện tử của Sở GDĐT.

**9.** Đẩy mạnh xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong cơ quan Sở.

Trên đây là kết quả triển khai thực hiện công tác CCHC quý I năm 2026, Sở GDĐT trân trọng báo cáo./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Cổng thông tin điện tử Sở;
- Lưu VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Thêm**

Biểu mẫu II.06a/VPCP/  
KSTT Ban hành theo  
Thông tư số  
01/2020/TT-VPCP ngày  
21/10/2020

**Phụ lục I**  
**KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**TẠI SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUÝ I NĂM 2026**  
**(Số liệu báo cáo từ ngày 16/12/2025 đến ngày 10/3/2026)**

Đơn vị báo cáo: Sở GDĐT  
Cơ quan nhận báo cáo:  
UBND tỉnh Bắc Ninh

Kèm theo Báo cáo số /BC-SGDĐT ngày 10/3/2026  
của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Ninh)

STT	Tên lĩnh vực	Tổng hồ sơ tiếp nhận trong kỳ	Đã giải quyết				Đang giải quyết			Rút hồ sơ + Yêu cầu bổ sung	Tổng số HS phát sinh nghĩa vụ tài chính	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến
			Nhận trong kỳ				Nhận trong kỳ					
			Tổng số hồ sơ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số hồ sơ	Trong hạn	Quá hạn			
<b>Trên hệ thống <a href="https://motcua.moet.gov.vn">https://motcua.moet.gov.vn</a></b>												
1	Các cơ sở giáo dục khác	3	3	3	0	0	0	0	0	0	0	
2	Giáo dục thường xuyên	13	12	12	0	0	1	1	0	0	0	
3	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	20	20	20	0	0	0	0	0	0	0	
4	Văn bằng, chứng chỉ	289	280	279	0	1	9	9	0	0	0	
5	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)	2	2	2	0	0	0	0	0	0	0	
<b>Cộng trên hệ thống DVC</b>		<b>327</b>	<b>317</b>	<b>316</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	

**PHỤ LỤC II**  
**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CỦA CÁC PHÒNG THUỘC SỞ GDĐT**  
*(Kèm theo Báo cáo số /BC-SGDĐT ngày 10/3/2026 của Sở GDĐT)*

ST T	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản		
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	= b/a*100	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	a	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	b	
3.	<b>Kiểm tra CCHC</b>			
3.1.	Số phòng, ban, đơn vị...thuộc sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.2.	Số phòng, ban, đơn vị...thuộc UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	= b/a*100	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	a	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	b	
4.	<b>Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao</b>			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.1.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
4.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
4.1.3.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
<b>5.</b>	<b>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</b>	Có = 1; Không = 0		
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
<b>6.</b>	<b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp</b>	Không = 0 Có = 1		
<b>7.</b>	<b>Tổng số VBQPPL<sup>1</sup> do đơn vị tham mưu xây dựng, ban hành</b>	Văn bản		
<b>8.</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>			
8.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản		
8.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	<b>= b/a*100</b>	
8.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	a	
8.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	b	
<b>9.</b>	<b>Thống kê TTHC</b>			

9.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
9.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	5	
9.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	4	
9.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại cơ quan	Thủ tục	116	
<b>10</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>			
10.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	%	100%	
10.2.	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	162	
<b>11.</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			
11.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	<b>=b/a*100</b>	99,7%
11.1.1	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	a	317
11.1.2	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	b	316
11.2.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	<b>= b/a*100</b>	100%

11.2.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	a	1
11.2.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	b	1
<b>12.</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>			
12.1.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL)	Cơ quan, đơn vị		80
<b>13</b>	<b>Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).</b>		<b>=a+b+c</b>	0
13.1.	Số lãnh đạo cấp sở, đơn vị thuộc ngành GDĐT bị kỷ luật.	Người	a	0
13.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, đơn vị thuộc ngành GDĐT bị kỷ luật.	Người	b	0
13.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	c	0
<b>14</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công</b>	%	<b>Không</b>	
14.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	Không	
14.2	Đã thực hiện	Triệu đồng	Không	
<b>15.</b>	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>			

15.1	Tổng số ĐVSN công lập ngành GDĐT	Đơn vị	80	
15.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	Không	
15.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	Không	
15.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	80	
15.4.1	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	Không	
15.4.2	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	Không	
15.4.3	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	58	
15.4.4	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm dưới 10% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	22	
15.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	Không	
15.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần ( <i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i> )	Đơn vị	Không	
<b>16.</b>	<b>Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất</b>	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		1
<b>17.</b>	<b>Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia</b>	%		100

<b>18.</b>	<b>Số liệu về trao đổi văn bản điện tử</b>			
18.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
18.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%		100
18.1.2	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh.</i>	%		100
18.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương ( <i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử.</i> )	%		100
18.2.1	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%		100
18.2.2	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%		100
<b>19</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)</b>			
19.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	<b>= b/a*100</b>	100%
19.1.1	<i>Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình</i>	<i>Thủ tục</i>	a	25
19.1.2	<i>Số lượng DVCTT toàn trình</i>	<i>Thủ tục</i>	b	25
19.2	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	<b>= b/a*100</b>	37,5%

19.2.1	<i>Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)</i>	<i>Thủ tục</i>	a	8
19.2.2	<i>Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	b	3
19.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	= $b/a*100$	100%
19.3.1	<i>Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)</i>	<i>Thủ tục</i>	a	312
19.3.2	<i>Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình</i>	<i>Thủ tục</i>	b	312
19.4	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	= $b/a*100$	100%
19.4.1	<i>Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)</i>	<i>Hồ sơ</i>	a	15
19.4.2	<i>Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần</i>	<i>Hồ sơ</i>	b	15
19.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	= $b/a*100$	100%
19.5.1	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	a	1
19.5.2	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	b	1

